

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN
SÀI GÒN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12-30

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Vận tải biển Sài Gòn theo Quyết định số 6205/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004628 (số hiện nay là 0300424088) ngày 14 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 7 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại số 9 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có 3 chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Hải Phòng, số 57 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
- Chi nhánh Cần Thơ, số 512/35 Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Chi nhánh Quy Nhơn, số 45 Tôn Đức Thắng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Thuận.

Trong năm 2011, hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước;
- Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước;
- Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển;
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt;
- Cho thuê văn phòng.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SGS

Công ty có 1 công ty con là Công ty cổ phần SAIGONSHIP Đà Nẵng.

Trụ sở hoạt động của Công ty con được đặt tại khu B1 – 6 KCN Dịch vụ thủy sản Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Trong năm 2011, hoạt động chính của Công ty con là kinh doanh vận tải, đại lý tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Việt Triều	Chủ tịch
Ông Henrik N.Andersen	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Ngọc Lâm	Thành viên
Ông Đỗ Doãn Thành Công	Thành viên
Ông Lundbaek Joergen Christian	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban kiểm soát

Ông Phạm Hoàng Hiệp
Ông Vũ Tuấn Anh
Bà Võ Ngọc Thủy

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Việt Triều
Ông Đỗ Ngọc Lâm
Ông Nguyễn Quang Việt
Ông Lê Minh

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 21 tháng 4 năm 2011)
Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 21 tháng 4 năm 2011)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Đỗ Việt Triều
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2012

Số : 00407HCM/128.11-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁNvề Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm : Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") và công ty con, được trình bày từ trang 6 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn và công ty con, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất các vấn đề như sau:

1. Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 5 tháng 7 năm 2007 đã thông qua việc Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu một phần trách nhiệm trong việc thanh toán các khoản nợ của Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon khi tiến hành giải thể Công ty này. Theo đó, Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế nhà thầu và thuế giá trị gia tăng của Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon phát sinh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2006 theo tỷ lệ góp vốn là 51%, tương ứng với số tiền là 1.178.668.079 VND (theo quyết định số 89/CT-KTNB ngày 4 tháng 7 năm 2011 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh). Nếu ghi nhận khoản thuế phải nộp này vào sổ sách, lỗ lũy kế của Công ty sẽ tăng lên một khoản tương ứng.
2. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn có khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 44.852.871.108 VND. Điều này có thể dẫn đến Công ty gặp khó khăn khi thanh toán các khoản nợ đến hạn.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2012

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Thư Hương".

TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.598.425.978	27.361.412.964
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	2.690.996.121	7.070.690.992
Tiền	111		2.690.996.121	7.070.690.992
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		11.397.793.001	11.046.407.304
Phải thu khách hàng	131	4.2	9.868.653.630	8.379.020.987
Trả trước cho người bán	132	4.3	588.493.203	2.107.599.175
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	8.396.987.272	8.016.128.246
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.456.341.104)	(7.456.341.104)
Hàng tồn kho	140	4.5	5.461.710.946	6.090.804.459
Hàng tồn kho	141		5.461.710.946	6.090.804.459
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.047.925.910	3.153.510.209
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	5.147.295.244	1.744.542.165
Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.697.128	221.671.950
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		30.976.076	30.976.076
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	841.957.462	1.156.320.018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		396.071.942.586	411.212.558.304
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		327.614.902.188	344.401.162.253
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	293.569.533.390	311.262.834.708
Nguyên giá	222		372.636.781.791	373.471.484.236
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.067.248.401)	(62.208.649.528)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	12.952.400.824	13.182.127.971
Nguyên giá	228		14.884.953.076	14.884.953.076
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.932.552.252)	(1.702.825.105)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	21.092.967.974	19.956.199.574
Bất động sản đầu tư	240	4.11	14.076.432.804	15.449.484.468
Nguyên giá	241		26.962.855.342	26.962.855.342
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(12.886.422.538)	(11.513.370.874)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		54.225.156.703	49.862.647.874
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.12	67.209.091.472	62.846.582.643
Đầu tư dài hạn khác	258	4.13	6.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.14	(18.983.934.769)	(18.983.934.769)
Tài sản dài hạn khác	260		155.450.891	1.499.263.709
Chi phí trả trước dài hạn	261		92.950.891	1.479.763.709
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		62.500.000	19.500.000
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		421.670.368.564	438.573.971.268

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		284.584.757.738	277.124.590.804
Nợ ngắn hạn	310		71.629.906.382	69.199.973.047
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.15	24.656.751.909	24.368.367.491
Phải trả cho người bán	312	4.16	20.175.006.142	19.287.416.018
Người mua trả tiền trước	313	4.17	5.152.652.242	6.952.982.397
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.18	1.030.008.283	571.928.563
Phải trả công nhân viên	315		1.180.351.881	1.025.403.202
Chi phí phải trả	316	4.19	4.610.411.764	2.771.818.925
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.20	14.824.724.161	14.222.056.451
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.21	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		212.954.851.356	207.924.617.757
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.22	206.878.189.688	203.734.367.271
Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335	4.23	6.076.661.668	4.025.332.273
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	164.918.213
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130.513.396.551	154.512.811.096
Vốn chủ sở hữu	410	4.24	130.513.396.551	154.512.811.096
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144.200.000.000	144.200.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		11.436.551.000	11.436.551.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		9.351.163.726	9.351.163.726
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.309.606.047	1.309.606.047
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(35.783.924.222)	(11.784.509.677)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
LỢI ÍCH CỦA CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	4.25	6.572.214.275	6.936.569.368
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		421.670.368.564	438.573.971.268

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi			
Nợ khỏ đòi đã xử lý		16.129.905.471	16.129.905.471
Ngoại tệ các loại (USD)		4.886,16	94.179,14
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG
 Kế toán trưởng



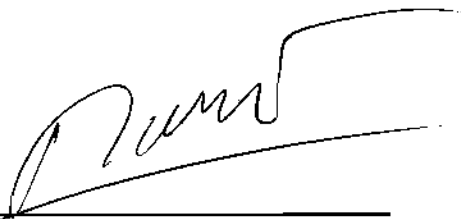
ĐỖ NGỌC LÂM
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		160.912.500.900	131.712.036.705
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	160.912.500.900	131.712.036.705
Giá vốn hàng bán	11	5.2	150.599.521.160	121.051.732.089
Lợi nhuận gộp	20		10.312.979.740	10.660.304.616
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	575.922.492	3.463.680.812
Chi phí tài chính	22	5.4	34.619.541.720	24.642.317.957
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		17.101.116.219	14.785.173.547
Chi phí bán hàng	24		3.943.136	3.375.529
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	8.621.616.548	7.179.582.380
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(32.356.199.172)	(17.701.290.438)
Thu nhập khác	31	5.6	1.452.535.368	5.294.085.855
Chi phí khác	32	5.7	1.388.687.418	4.348.828.370
Lợi nhuận khác	40		63.847.950	945.257.485
Lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	45		10.576.292.979	6.593.140.261
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(21.716.058.243)	(10.162.892.692)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	345.410.498
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	2.051.329.395	3.299.959.908
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(23.767.387.638)	(13.808.263.098)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(364.355.093)	(13.430.632)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		(23.403.032.545)	(13.794.832.466)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	(1.623)	(957)



ĐỖ ĐOÀN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng



ĐUỖ ĐOÀN LÂM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2012

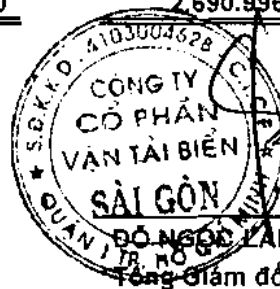
CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(21.716.058.243)	(10.162.892.692)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	19.591.672.919	19.474.476.199
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	16.889.336.601	8.528.618.085
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.411.180.862)	(5.458.303.116)
Chi phí lãi vay	06	17.101.116.219	14.785.173.547
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	20.454.886.634	27.167.072.023
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	620.532.109	15.167.217.920
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	629.093.513	(4.238.209.096)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(3.478.591.915)	(9.291.856.318)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.015.940.261)	539.299.183
Tiền lãi vay đã trả	13	(14.373.910.965)	(14.701.027.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(3.551.512.054)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.012.890.946
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(275.958.517)	(1.671.495.757)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.560.110.598	11.432.379.695
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.595.178)	(19.515.089.005)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.131.833.716	4.859.369.927
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.013.784.150	401.452.291
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.136.022.688	(17.854.266.787)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.091.451.320	12.770.757.643
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.173.870.902)	(25.912.688.206)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(704.734.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.082.419.582)	(13.846.665.447)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(4.386.286.296)	(20.268.552.539)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	7.070.690.992	27.297.620.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.591.425	41.622.677
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	2.690.996.121	7.070.690.992


ĐÓ ĐOẢN THÀNH CÔNG
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vạn tài biển Sài Gòn ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty cổ phần SAIGONSHIP Đà Nẵng (gọi chung là "Tập đoàn")

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty mẹ:

Công ty cổ phần Vạn tài biển Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Vạn tài biển Sài Gòn theo Quyết định số 6205/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004628 (số hiện nay là 0300424088) ngày 14 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 7 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại số 9 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần SAIGONSHIP Đà Nẵng	Khu B1-6 KCN Dịch vụ thủy sản Thọ Quang, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	56,56%	56,56%

Danh sách Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH APM - Saigon Shipping	Số 28 Phùng Khắc Khoan, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	25,00%	25,00%
Công ty TNHH Korex – Sài Gòn Logistics	Số 9 Nguyễn Công Trứ, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	33,75%	33,75%
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	51,00%	50,00%

Công ty liên doanh, liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Lý do
Công ty liên doanh Vạn tài thủy sea Saigon	Số 9 Nguyễn Công Trứ, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Công ty đang trong quá trình thanh lý giải thể

Trong năm 2011, hoạt động chính của Tập đoàn chủ yếu là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước;
- Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước;
- Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển;
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt;
- Cho thuê văn phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn và phù hợp với chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu quyền kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ, trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của công ty con được xác định tương ứng cho phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty con.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày này là 20.828 VND/USD.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	7 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	8 năm

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là bộ phận gắn với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm

3.9 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.10 Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Các chi phí này được phân bổ không quá 3 năm.

3.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

3.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng/ (giảm) do phát hành cổ phiếu cao/(thấp) hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

3.14 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

3.16 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Liên doanh APM-Saigon shipping Company Ltd.	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vận tải container Korex Sài Gòn	Việt Nam	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chợ năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
4.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Tiền mặt tồn quỹ - VND	117.095.742	63.859.644
	Tiền gửi ngân hàng - VND	2.472.128.155	7.006.831.348
	Tiền gửi ngân hàng - USD	101.772.224	-
		2.690.996.121	7.070.690.992
4.2	Các khoản phải thu thương mại	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Raffles Shipping International Pte Ltd	-	161.016.660
	T.K.B Shipping A/S	321.069.868	250.205.123
	Flogis International Corp	2.344.303.246	-
	Công ty TNHH Vận tải Hà Việt	227.935.677	-
	Công ty TNHH Vận tải KAS Hà Nội	222.932.512	510.469.460
	Công ty TNHH Maersk Việt Nam	1.435.633.365	2.468.946.925
	Công ty TNHH Đại lý và môi giới vận tải Quốc Tế	579.996.403	375.557.777
	Công ty TNHH Quang Thuận	808.000.000	808.000.000
	Chi nhánh DNTN Cổ May	-	231.948.000
	Công ty TNHH MTV Đông Nước Vàng	176.800.000	-
	Công ty TNHH Vận tải Container Korex SaiGon	60.173.933	168.714.700
	Công ty CP Thủy Sản Việt Thắng	99.000.000	147.705.000
	Các khách hàng khác	3.592.808.626	3.256.457.342
		9.868.653.630	8.379.020.987
4.3	Trả trước cho người bán	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	ACT Infraport Ltd	-	209.415.750
	DIX Shipping Co.,	-	431.001.747
	Five Star Shipping Agency (PVT) Ltd	-	378.507.476
	Cty TNHH DV DL Hàng hải Thuận Phong	101.101.250	-
	Cty TNHH TM-DV Sửa chữa tàu biển Viễn Hùng	147.066.000	-
	Các nhà cung cấp khác	340.325.953	1.088.674.202
		588.493.203	2.107.599.175
4.4	Các khoản phải thu khác	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Phải thu tiền bán cổ phần cho CBCNV	321.614.714	321.614.714
	Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747 (*)	5.849.054.747
	Công nợ phải thu chờ xử lý	1.555.209.374 (*)	1.255.027.189
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	31.450.000	355.491.483
	Phí chi hộ cho tàu	104.059.653	-
	Lãi liên doanh phải thu	200.000.000	-
	Phải thu khác	335.598.784	234.940.113
		8.396.987.272	8.016.128.246

(*) Công nợ đã được lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.5 Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên vật liệu	107.988.172	54.319.201
Nhiên liệu	5.170.768.190	5.925.534.349
Công cụ, dụng cụ	11.728.045	39.041.818
Hàng hóa	171.226.539	71.909.091
	5.461.710.946	6.090.804.459

4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sửa chữa	4.491.845.087	1.357.110.326
Khác	655.450.157	387.431.839
	5.147.295.244	1.744.542.165

4.7 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	835.957.462	1.150.320.018
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.000.000	6.000.000
	841.957.462	1.156.320.018

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2011	16.041.401.636	2.750.236.537	351.780.980.468	957.953.905	1.940.911.690	373.471.484.236
Tăng từ mua sắm mới	161.128.838	-	-	-	37.000.000	198.128.838
Tăng từ XDCB	92.805.950	-	-	-	-	92.805.950
Tăng khác	-	-	-	-	747.191.479	747.191.479
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.478.441.402)	-	-	(1.478.441.402)
Giảm khác	-	-	-	-	(394.387.310)	(394.387.310)
Vào ngày 31/12/2011	16.295.336.424	2.750.236.537	350.302.539.066	957.953.905	2.330.715.859	372.636.781.791
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2011	6.407.271.788	1.105.531.495	53.813.500.961	761.474.263	120.871.021	62.208.649.528
Khấu hao trong năm	1.106.421.970	231.668.136	16.484.055.595	125.549.532	132.117.258	18.079.812.491
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.181.495.569)	-	-	(1.181.495.569)
Giảm khác	-	-	-	-	(39.718.049)	(39.718.049)
Vào ngày 31/12/2011	7.513.693.758	1.337.199.631	69.116.060.987	887.023.795	213.270.230	79.067.248.401
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2011	9.634.129.848	1.644.705.042	297.967.479.507	196.479.642	1.820.040.669	311.262.834.708
Vào ngày 31/12/2011	8.781.642.666	1.413.036.906	281.186.478.079	70.930.110	2.117.445.629	293.569.533.390

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại ngân hàng là 267.900.130.576 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2011 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn, đã thông qua phương án bán hai tàu biển (Sài Gòn Queen 6500 DWT và Sài Gòn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Princess 6800 DWT) và hai tàu sòng (tàu Long Phú 1 và Long Phú 2). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị còn lại của các tài sản này như sau:

Tên tài sản	Nguyên giá (VND)	Thời gian sử dụng hữu ích ước tính	Khấu hao lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tàu Sài Gòn Queen	116.729.138.765	21 năm	38.574.581.040	78.154.557.725
Tàu Sài Gòn Princess	204.217.835.623	25 năm	17.004.606.242	187.213.229.381
Tàu Long Phú 1	7.228.490.192	15 năm	1.927.597.392	5.300.892.800
Tàu Long Phú 2	7.229.508.289	15 năm	1.927.868.880	5.301.639.409

Trong năm 2009, Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn có thay đổi mức trích khấu hao tài sản cố định (do thay đổi thời gian sử dụng), cụ thể như sau:

	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng ước tính ban đầu	Thay đổi thời gian sử dụng từ năm 2009
Tàu Saigon Queen	2006	15 năm	21 năm
Tàu Saigon Princess	2009	15 năm	25 năm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị khấu hao lũy kế của tàu Sài Gòn Queen và Sài Gòn Princess theo sổ sách của Công ty là 55.579.187.282 VND. Nếu khấu hao theo tỷ lệ ước tính ban đầu, giá trị khấu hao lũy kế là 75.170.940.723 VND. Giá trị chênh lệch do thay đổi thời gian khấu hao là 19.591.753.441 VND.

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 4.877.594.107 VND.

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2011	14.723.320.968	161.632.108	14.884.953.076
Phân loại lại	8.390.000	(8.390.000)	-
Vào ngày 31/12/2011	<u>14.731.710.968</u>	<u>153.242.108</u>	<u>14.884.953.076</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2011	1.592.796.080	110.029.025	1.702.825.105
Khấu hao trong năm	121.775.304	17.033.460	138.808.764
Tăng khác	90.918.383	-	90.918.383
Vào ngày 31/12/2011	<u>1.805.489.767</u>	<u>127.062.485</u>	<u>1.932.552.252</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2011	13.130.524.888	51.603.083	13.182.127.971
Vào ngày 31/12/2011	<u>12.926.221.201</u>	<u>26.179.623</u>	<u>12.952.400.824</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại ngân hàng là 12.508.390.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIỂN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Kết chuyển TSCĐ trong năm VND	Số cuối năm VND
Công trình mở rộng trung tâm kho vận	7.354.092.311	130.854.200	-	7.484.946.511
Công trình đóng mới 2 tàu sông	12.602.107.263	915.964.999	-	13.518.072.262
Cải tạo, sửa chữa văn phòng làm việc	-	182.755.151	(92.805.950)	89.949.201
	19.956.199.574	1.229.574.350	(92.805.950)	21.092.967.974

Riêng công trình đóng mới 2 tàu sông, Công ty cổ phần Vạn tài Biển Sài Gòn đã không tiếp tục đầu tư như dự kiến ban đầu, chi tiết chi phí đã phát sinh cho dự án này như sau:

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thiết kế, lập hồ sơ mời thầu	333.401.819	333.401.819
Chi phí mua 2 máy chính YANMAR 600 HP	11.412.518.778	11.403.178.778
Chi phí lãi vay	1.772.151.665	865.526.666
	13.518.072.262	12.602.107.263

Theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị, đã thống nhất bán 2 máy chính YANMAR 600 HP.

4.11 Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2011	8.992.704.000	17.970.151.342	26.962.855.342
Tăng trong năm	-	-	-
Vào ngày 31/12/2011	8.992.704.000	17.970.151.342	26.962.855.342
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2011	3.122.499.346	8.390.871.528	11.513.370.874
Khấu hao trong năm	254.475.924	1.118.575.740	1.373.051.664
Vào ngày 31/12/2011	3.376.975.270	9.509.447.268	12.886.422.538
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2011	5.870.204.654	9.579.279.814	15.449.484.468
Vào ngày 31/12/2011	5.615.728.730	8.460.704.074	14.076.432.804

Nguyên giá Bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 637.015.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.12 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Lãi (lỗ) trong năm	Cả tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn (i)	18.983.934.769	-	-	18.983.934.769
Công ty TNHH APM-Saigon Shipping (ii)	8.369.306.505	5.229.119.336	(4.826.342.827)	8.770.083.014
Công ty TNHH Korex - Sài Gòn Logistics (iii)	9.413.796.464	2.744.043.939	(849.416.033)	11.308.426.370
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh (iv)	26.079.542.905	2.603.129.703	(536.025.290)	28.146.647.318
	62.846.582.643	10.576.292.979	(6.213.784.150)	67.209.091.472

(i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2310/GP ngày 11 tháng 2 năm 2003 do Bộ Kế hoạch và đầu tư cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn trong Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn là 1.224.000 USD, tương đương 51% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này được trình bày theo phương pháp giá gốc do Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn đang trong quá trình thanh lý giải thể.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000296 ngày 8 tháng 8 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn trong Công ty TNHH APM-Saigon Shipping là 250.000 USD, tương đương 25% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

Theo Nghị quyết số 05/NQ-HDQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn, đã thống nhất mua 24% tổng số vốn đầu tư của đối tác Maersk Line Agency Holding A/S, tương đương với 240.000 USD trong Công ty TNHH APM-Saigon Shipping bằng tiền chia lãi của liên doanh cho Công ty. Tuy nhiên, đến ngày kết thúc năm tài chính, Nghị quyết này vẫn chưa được thực hiện.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000270 ngày 4 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 9 tháng 2 năm 2011, vốn góp của Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn trong Công ty TNHH Korex - Sài Gòn Logistics là 540.000 USD, tương đương 33,75% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000401 ngày 31 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 30 tháng 6 năm 2009, vốn góp của Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn trong Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh là 33.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

4.13 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Quảng Trường Quốc Tế	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
		6.000.000.000		6.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308976796 ngày 8 tháng 6 năm 2009 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18 tháng 3 năm 2011, vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

góp của Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn trong Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Quảng Trường Quốc Tế là 12.000.000.000 VND, tương đương với 4% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp được 6.000.000.000 VND.

4.14 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn	18.983.934.769	18.983.934.769
	18.983.934.769	18.983.934.769

Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư vào Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn do Công ty này đang trong quá trình thanh lý giải thể.

4.15 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội-chi nhánh Đà Nẵng	1.257.954.909 (a)	1.296.927.491
Ngân hàng TMCP Gia Định-chi nhánh Đà Nẵng	698.173.000 (a)	-
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	3.000.000.000 (b)	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn	1.666.240.000 (c)	-
Vay dài hạn đến hạn trả -VND	9.120.000.000 (d)	9.120.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả -USD	8.914.384.000 (e)	7.951.440.000
	24.656.751.909	24.368.367.491

Chi tiết phát sinh như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	24.368.367.491	28.807.765.824
Số tiền vay phát sinh trong năm	7.091.451.320	8.553.504.286
Số tiền vay đã trả trong năm	(18.873.870.902)	(25.912.688.206)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	597.240.000	-
Kết chuyển từ nợ dài hạn	11.473.564.000	12.919.785.587
Số dư cuối năm	24.656.751.909	24.368.367.491

- (a) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Gia Định- Chi nhánh Đà Nẵng được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay thay đổi theo từng thời điểm.
- (b) Số dư khoản vay Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn với lãi suất 19%/năm. Khoản vay này được sử dụng cho dự án đóng mới 2 tàu sông (xem thuyết minh 4.10).
- (c) Số dư các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn, số tiền vay là 80.000 USD, tương đương với 1.666.240.000 VND, lãi suất 7.3%/năm. Khoản vay này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.
- (d) Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh 4.22a).
- (e) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh 4.22b)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.16 Phải trả người bán

	31/12/2011 VND		01/01/2011 VND
Ocean Energy Bunkering Pte., Ltd	-		3.525.329.803
MonJasa	2.444.252.028		-
United Bunkering & Trading	-		345.414.340
Công ty TNHH MTV Ba Sơn (*)	10.000.000.000 (a)		10.000.000.000
Cảng Đà Nẵng	410.091.099		307.606.568
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Đông Nam Bộ (*)	1.000.000.000 (b)		1.213.604.740
Cảng vụ TP.Hồ Chí Minh	24.484.147		1.293.410.386
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	618.469.970		-
Các nhà cung cấp khác	5.677.708.898		2.602.050.181
	20.175.006.142		19.287.416.018

(*) Các khoản nợ đã đến hạn thanh toán nhưng chưa thanh toán

(a) Khoản nợ phải trả để đóng mới tàu Sài Gòn Princess

(b) Khoản nợ phải trả để mua 2 máy chính YANMAR 600 HP cho dự án đóng mới 2 tàu sông (xem thuyết minh 4.10).

4.17 Người mua trả tiền trước

	31/12/2011 VND		01/01/2011 VND
Người mua trả trước/cước vận chuyển	2.940.986.178		2.805.722.400
Người mua trả trước/phí thuê kho	2.028.089.010		3.950.282.965
Các khách hàng khác	183.577.054		196.977.032
	5.152.652.242		6.952.982.397

4.18 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2011 VND		01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	434.164.844		49.643.897
Thuế thu nhập cá nhân	136.241.620		82.915.957
Thuế nhà thầu nộp hộ	459.601.819		439.368.709
	1.030.008.283		571.928.563

4.19 Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND		01/01/2011 VND
Chi phí lãi vay	4.193.443.891		559.613.638
Chi phí cho tàu	286.287.026		2.047.590.456
Chi phí khác	130.680.847		164.614.831
	4.610.411.764		2.771.818.925

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, chi phí lãi vay phải trả cơ gốc ngoại tệ là 190.748,43 USD, tương đương 3.973.845.034 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.20 Phải trả khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	257.949.853	90.326.685
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp	358.626.183	4.215.536
Phải trả cổ phần hóa	3.197.058.734	3.197.058.734
Cổ tức phải trả	5.129.173.740	5.141.797.340
Công ty CP TMDV Quảng Trường Quốc Tế	5.200.000.000 (*)	5.200.000.000
Nhận ký quỹ	465.395.400	177.395.400
Các khoản phải trả khác	216.520.251	411.262.756
	<u>14.824.724.161</u>	<u>14.222.056.451</u>

(*) Đây là khoản hỗ trợ vốn có hoàn lại, không tính lãi suất, kỳ hạn trả nợ được gia hạn đến ngày 19 tháng 4 năm 2012.

4.21 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2011 VND	2010 VND
Số đầu năm	(355.491.483)	213.409.381
Trích lập quỹ	600.000.000	-
Sử dụng quỹ	(275.958.517)	(568.900.864)
Số cuối năm	<u>(31.450.000)</u>	<u>(355.491.483)</u>

Số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi cuối năm được trình bày ở chỉ tiêu " Các khoản phải thu khác" (xem thuyết minh 4.4).

4.22 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 VND		01/01/2011 VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	29.045.570.000	(a)	38.165.570.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-Chi nhánh Sài Gòn	172.502.619.688	(b)	158.938.797.271
Ngân hàng TMCP Gia Định-Chi nhánh Đà Nẵng	5.330.000.000	(c)	6.630.000.000
	<u>206.878.189.688</u>		<u>203.734.367.271</u>

Chi tiết phát sinh vay và nợ dài hạn ngân hàng như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	203.734.367.271	203.700.990.715
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	4.217.253.357
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.300.000.000)	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	15.917.386.417	8.735.908.786
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(11.473.564.000)	(12.919.785.587)
Số dư cuối năm	<u>206.878.189.688</u>	<u>203.734.367.271</u>

(a) Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II theo hợp đồng tín dụng số 45/HĐ-TDDP ngày 12 tháng 4 năm 2004 và phụ lục hợp đồng số 16/PLHĐ/TĐDP-2006 ngày 12 tháng 6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chợ năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

2006, lãi suất vay 3% /năm, thời hạn vay là 10 năm (từ ngày 12 tháng 4 năm 2004 đến 12 tháng 4 năm 2014), mức trả nợ gốc mỗi năm là 9.120.000.000 VND. Khoản vay này được sử dụng để đóng mới tàu Sài Gòn Queen, và được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

- (b) Vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (VIB) theo hợp đồng tín dụng số 0002/HĐTD2- VIB625/08 ngày 11 tháng 1 năm 2008, và phụ lục hợp đồng số 0002.1/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 23 tháng 06 năm 2008, 0002.2/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 04 tháng 08 năm 2008, 0002.3/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 11 tháng 08 năm 2008, 0002.4/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 19 tháng 05 năm 2009, thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn gốc là 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh 6 tháng/lần theo từng khế ước nhận nợ, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh 06 tháng USD của VIB +2,2%/năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư đóng mới tàu Sài Gòn Princess, và được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Số dư khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn có gốc ngoại tệ được chi tiết như sau:

	Gốc nguyên tệ (USD)	Tương đương (VND)
Vay dài hạn đến hạn trả	428.000,00	8.914.384.000
Vay dài hạn	8.282.246,00	172.502.619.688
	8.710.246,00	181.417.003.688

Kế hoạch trả nợ gốc qua các năm như sau:

	Nợ gốc phải trả (USD)
Từ 1 năm trở xuống	428.000,00
Trên 1 năm đến 5 năm	4.524.497,90
Trên 5 năm	3.757.748,10
Cộng	8.710.246,00

- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định chi nhánh Đà Nẵng với lãi suất 1,25%/tháng và thay đổi theo thông báo của ngân hàng, thời hạn vay là 84 tháng. Khoản vay này được sử dụng để thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu B1-6 thuộc khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng, và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

4.23 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, chi tiết phát sinh như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	4.025.332.273	801.839.037
Phát sinh tăng trong năm	2.051.329.395	3.223.493.236
Số dư cuối năm	6.076.661.668	4.025.332.273

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Chợ năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.24 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	144.200.000.000	11.436.551.000	8.472.433.003	845.147.364	8.928.097.040	173.882.228.407
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(13.794.832.466)	(13.794.832.466)
Trích lập các quỹ	-	-	678.730.723	464.458.683	(1.308.509.406)	34.680.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.768.000.000)	(5.768.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(308.000.000)	(308.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	466.735.155	466.735.155
Số dư cuối năm trước	144.200.000.000	11.436.551.000	9.351.163.726	1.309.606.047	(11.784.509.677)	154.512.811.096
Số dư đầu năm nay	144.200.000.000	11.436.551.000	9.351.163.726	1.309.606.047	(11.784.509.677)	154.512.811.096
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	(23.403.032.545)	(23.403.032.545)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	3.618.000	3.618.000
Số dư cuối năm nay	144.200.000.000	11.436.551.000	9.351.163.726	1.309.606.047	(35.783.924.222)	130.513.396.551

(*) Ảnh hưởng của điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty con sang đầu tư vào công ty liên doanh liên kết.

Cổ phiếu

	2011	2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.420.000	14.420.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

4.25 Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số dư đầu năm	6.936.569.368
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(364.355.093)
Số dư cuối năm	6.572.214.275

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Doanh thu

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu		
Doanh thu khai thác tàu biển	96.628.609.677	89.360.859.640
Doanh thu dịch vụ hàng hải	39.290.610.526	17.735.426.902
Doanh thu dịch vụ vận tải nội địa	9.605.088.469	6.666.296.895
Doanh thu dịch vụ kho vận	12.942.398.255	15.596.612.782
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.212.040.746	1.993.871.622
Doanh thu cho thuê thuyền viên	233.753.227	358.968.864
	<u>160.912.500.900</u>	<u>131.712.036.705</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>160.912.500.900</u>	<u>131.712.036.705</u>

5.2 Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Giá vốn khai thác tàu biển	97.913.986.161	87.588.761.837
Giá vốn dịch vụ hàng hải	35.604.257.200	14.038.250.889
Giá vốn dịch vụ vận tải nội địa	10.943.383.151	8.669.199.602
Giá vốn dịch vụ kho vận	5.936.654.648	10.439.178.761
Giá vốn cho thuê thuyền viên	201.240.000	316.341.000
	<u>150.599.521.160</u>	<u>121.051.732.089</u>

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	64.055.846	110.376.627
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	401.452.291
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	511.866.646	2.951.851.894
	<u>575.922.492</u>	<u>3.463.680.812</u>

5.4 Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	17.101.116.219	14.785.173.547
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	629.088.900	1.328.526.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.889.336.601	8.528.618.085
	<u>34.619.541.720</u>	<u>24.642.317.957</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nhân viên	4.336.777.584	3.698.971.693
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	247.302.503	302.817.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	427.855.966	501.329.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.134.008.027	2.288.200.125
Chi phí khác	475.672.468	388.263.317
	8.621.616.548	7.179.582.380

5.6 Thu nhập khác

	2011 VND	2010 VND
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.221.545.456	4.870.928.305
Các khoản khác	230.989.912	423.157.550
	1.452.535.368	5.294.065.855

5.7 Chi phí khác

	2011 VND	2010 VND
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	296.945.833	3.846.461.445
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản	89.711.740	11.558.378
Trợ cấp thôi việc cho người lao động	698.497.003	-
Các khoản khác	303.532.842	490.808.547
	1.388.687.418	4.348.828.370

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2011 VND	2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	76.466.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.051.329.395	3.223.493.236
	2.051.329.395	3.299.959.908

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2011	2010
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (VND)	(23.403.032.545)	(13.794.832.466)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(23.403.032.545)	(13.794.832.466)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	14.420.000	14.420.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(1.623)	(957)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Vay	2.000.000.000
	Trả nợ vay	5.000.000.000
	Doanh thu Cung cấp dịch vụ	615.280.258
Công ty TNHH Korex - Sài Gòn Logistics	Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi	1.532.095.800
	Doanh thu DV giao nhận	1.581.948.832
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi	2.121.404.359
	Doanh thu DV giao nhận	825.610.478

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung	Phải thu/ (Phải trả) VND
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Phải trả nợ vay	(3.000.000.000)
	Phải trả cổ phần hóa	(3.197.058.734)
	Phải thu phí dịch vụ	84.753.690
Công ty TNHH Korex - Sài Gòn Logistics	Phải thu phí dịch vụ	60.173.933
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Phải thu phí dịch vụ	101.800.144

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau :

	2011 VND	2010 VND
Tiền lương	1.692.551.547	1.104.173.880
Phụ cấp	58.200.000	84.000.000
	1.750.751.547	1.205.873.880

6.2. Số liệu so sánh

Trong báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty có phần loại lại khoản đầu tư vào Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn do xác định lại tỷ lệ quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này đã được Công ty trình bày trên khoản mục đầu tư vào công ty con trên bảng cân đối kế toán hợp nhất năm trước, Công ty đã trình bày lại vào khoản mục đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trên bảng cân đối kế toán hợp nhất năm nay.

6.3. Tiền thuê đất

Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn đang sử dụng khu đất tại số 09 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, diện tích 574 m², trên cơ sở Quyết định số 3501/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 2002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến nay, Công ty chưa có hợp đồng thuê đất, nên chưa ước tính được tiền thuê đất phải trả cho việc sử dụng khu đất này.

6.4. Các khoản cam kết

Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 5 tháng 7 năm 2007 đã thông qua việc Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu một phần trách nhiệm trong việc thanh toán các khoản nợ của Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Saigon khi tiến hành giải thể Công ty này. Theo đó, Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế của Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Saigon phát sinh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2006 theo tỷ lệ góp vốn là 51%, tương ứng với số tiền là 1.178.668.079 đồng (theo quyết định số 89/CT-KTNB ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh).

6.5. Giá định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập trên giả thuyết rằng Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn có khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tái sản ngắn hạn 44.852.871.108 VND. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết có nguồn tài trợ tài chính thích hợp để trả nợ đến hạn và duy trì hoạt động liên tục trong 12 tháng tới.



ĐO ĐOÀN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng



ĐO NGUYỄN LAM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2012